

Số: TVHN-223/AGIA

An Giang, ngày 11 tháng 8 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm, mực nước cao nhất ngày 09/8/2025 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 20-60cm; mực nước thấp nhất cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 25-65cm, thấp hơn từ 10-25cm so vs TBNN.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống chậm theo triều. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 10/8 ở mức cao hơn cùng kỳ 2024 và TBNN từ 05-55cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch lên chậm. Mực nước cao nhất nhất ngày 10/8 hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-40cm, mực nước thấp nhất xấp xỉ và thấp hơn từ 05-15cm so với cùng kỳ năm 2024 và TBNN.
- Khu vực cửa sông: Trong 24h qua trên vùng biển từ Cà Mau đến Rạch Giá xuất hiện gió mạnh cấp 6-7 gây ra hiện tượng nước dâng khu vực cửa sông, tại Xẻo Rô trên sông Cái Lớn mực nước dâng lớn nhất đạt mức 91cm (16h45'), trên BĐII 01cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh xuống chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước xuống theo xu thế triều biển Đông trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm; riêng trên kênh Vĩnh Tế tại trạm Xuân Tô, mực nước có xu thế tiếp tục lên chậm.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên theo xu thế triều biển Tây đến ngày 13/08, sau đó xuống lại.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>
Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 12/08/2025
Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 10/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			11/8	12/8	13/8	14/8	15/8	11/8	12/8	13/8	14/8	15/8
		BDI	BDII	BDIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	218	61	-22	266	52	-7	264	262	260	258	255	215	212	209	207	205
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	128	30	5	225	35	43	224	222	224	222	221	129	128	125	122	117
Hậu	Khánh An	420	470	520	365	67	49	370	61	46	369	367	365	363	362	363	362	360	358	355
	Châu Đốc	300	350	400	176	30	-3	243	26	21	241	239	237	235	232	178	177	174	171	168
	Long Xuyên	190	220	250	86	12	19	212	22	51	211	209	211	209	208	92	91	88	85	80
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	137	31	-5	225	32	30	224	222	224	222	221	140	139	136	133	128
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	142	34	34	150	39	-11	152	154	157	160	162	144	146	149	151	153
	Vĩnh Gia	200	240	280	51	-1	-14	62	4	-10	64	64	63	61	60	53	55	54	53	51
	Vĩnh Điều	170	200	230	44	-4	-13	58	2	-12	60	60	59	57	56	46	48	47	46	44
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	41	-13	-13	55	-5	-8	57	57	56	54	53	43	45	44	43	41
T5	Nông Trường	160	190	220	49	-10	-10	61	-4	-7	63	63	62	60	59	51	53	52	51	49
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	102	18	-3	110	14	-1	112	112	111	109	108	104	106	105	104	102
	Cô Tô	140	180	220	97	11	16	107	12	22	109	109	108	106	105	99	101	100	99	97
	Nam Thái Sơn	90	120	150	58	-1	-	71	4	-	73	73	72	70	69	60	62	61	60	58
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	54	1	-16	64	5	-13	66	66	65	63	62	56	58	57	56	54
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	105	9	17	128	20	33	130	130	129	127	126	107	109	108	107	105
Núi Chóc Nặng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	148	25	21	181	30	39	183	183	182	180	179	150	152	151	150	148
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	83	-1	-15	113	9	6	115	115	114	112	111	85	87	86	85	83
	Tân Thành	120	150	180	77	7	10	93	13	14	95	95	94	92	91	79	81	80	79	77
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	56	0	8	69	6	10	71	71	70	68	67	58	60	59	58	56
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	-15	-17	-3	45	12	1	49	51	50	48	47	-13	-11	-12	-13	-15
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-40	-54	-19	91	52	39	71	75	79	78	74	-45	-48	-50	-46	-40

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





